

KẾ HOẠCH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động
ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới và Chương trình hành động
số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị

Thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới (*viết tắt là Kết luận số 75-KL/TW*) và Chương trình hành động số 31-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về thực hiện Kết luận số 75-KL/TW (*viết tắt là Chương trình số 31-CTr/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình số 31-CTr/TW nhằm nâng cao về nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân đối với công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương thành các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, gắn bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; đặt con người và chất lượng cuộc sống của Nhân dân ở vị trí trung tâm, lấy việc bảo đảm môi trường sống an toàn, trong lành, bảo vệ sức khỏe, tính mạng, tài sản và sinh kế của Nhân dân làm mục tiêu cao nhất.

- Đổi mới tư duy phát triển theo hướng đặt bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ở vị trí trung tâm trong các quyết định phát triển; lấy chất lượng môi trường sống làm một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả phát triển; chuyển mạnh từ xử lý ô nhiễm sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm từ sớm, từ xa; thúc đẩy mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế cacbon thấp; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành và người đứng đầu; bảo đảm một nhiệm vụ chỉ giao một cơ quan chủ trì, xác định cụ thể cơ quan phối hợp, tiến độ, sản phẩm và nguồn lực thực hiện.

- Các nhiệm vụ phải được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương; việc quy hoạch, định hướng phát triển phải phù hợp với giới hạn sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát; huy động tối đa nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội để thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

Các khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được tập trung xử lý, phục hồi; hệ thống thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và nước thải từng bước được đầu tư đồng bộ; chất lượng môi trường sống của Nhân dân được cải thiện; suy giảm đa dạng sinh học được ngăn chặn, hướng tới cân bằng sinh thái. Các nguồn thải lớn được kiểm soát chặt chẽ, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, cacbon thấp gắn với đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng; tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng tỉnh Quảng Ngãi phát triển nhanh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định 17 chỉ tiêu chủ yếu để triển khai Kết luận số 75-KL/TW và Chương trình số 31-CTr/TW trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030 tại Phụ lục kèm theo).

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi trở thành địa phương phát triển theo hướng xanh, bền vững; môi trường sống an toàn, hài hòa với thiên nhiên; hệ thống quản trị môi trường hiện đại; tài nguyên thiên nhiên được quản lý, khai thác hợp lý; hệ sinh thái tự nhiên được bảo tồn và phục hồi; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, cacbon thấp trở thành phương thức phát triển quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 và mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm bảo vệ môi trường là một trong những nội dung trọng yếu của phát triển bền vững, bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa

là động lực phát triển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

b) Đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu vào nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, chương trình công tác hằng năm và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cơ quan, đơn vị.

c) Phát huy trách nhiệm của người đứng đầu; lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường từ tỉnh đến cơ sở. Chuyển từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro; kết hợp chặt chẽ giữa tiền kiểm và hậu kiểm; tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng, liên địa phương; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, bảo đảm một nhiệm vụ chỉ giao một cơ quan chủ trì.

** Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan thực hiện:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

2. Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội

a) Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền; xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường; nâng cao nhận thức về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính; lan tỏa lối sống xanh, tiêu dùng xanh, bền vững trong cộng đồng.

b) Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên báo chí, nền tảng số và hệ thống truyền thanh cơ sở; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng, cơ quan báo chí, truyền thông, tổ chức xã hội nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong tham gia xây dựng, phản biện, góp ý hoàn thiện chủ trương, chính sách; giám sát việc thi hành pháp luật và vận động Nhân dân tham gia bảo vệ môi trường.

c) Đưa nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là kỹ năng phòng chống thiên tai và đuối nước để lồng ghép vào các chương trình giảng dạy phù hợp ở các cấp học.

** Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan thực hiện:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch hơn và kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng xanh, mua sắm xanh, phát triển kinh tế cácbon thấp và thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ môi trường.

b) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, bảo đảm tích hợp đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu; quy hoạch, định hướng phát triển phù hợp với giới hạn sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường.

c) Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khai thác khoáng sản và sử dụng tài nguyên theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Hiện đại hóa công tác điều tra cơ bản, quy hoạch, quản lý, khai thác tài nguyên gắn với chuyển đổi số; phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; bảo đảm an ninh tài nguyên gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường.

d) Từng bước áp dụng công cụ quản lý tổng tải lượng chất ô nhiễm phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại các khu vực có rủi ro cao, áp lực môi trường lớn; kết hợp kiểm soát từng nguồn thải với kiểm soát theo vùng, khu vực. Tăng cường hướng dẫn, đối thoại, đồng hành với doanh nghiệp trong nhận diện rủi ro, phòng ngừa, khắc phục sai sót và nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Cơ quan phối hợp:* Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

4. Kiểm soát ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường

a) Kiểm soát chặt chẽ việc thu hút, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; không xem xét, chấp thuận đối với các dự án không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật.

b) Đẩy nhanh đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; từng bước hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh. Đầu tư đồng bộ hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái chế,

xử lý chất thải; nghiên cứu hình thành các khu liên hợp tái chế, xử lý chất thải phù hợp với điều kiện của tỉnh.

c) Thực hiện hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; tăng tỷ lệ tái sử dụng, tái chế chất thải; xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, giảm chôn lấp trực tiếp.

d) Tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chất lượng nguồn nước tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, lưu vực sông và vùng ven biển; tập trung xử lý các khu vực tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

đ) Ưu tiên kiểm soát môi trường tại Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú, VSIP Quảng Ngãi, Hòa Bình, Sao Mai, các cụm công nghiệp và các cơ sở chế biến, khai thác khoáng sản. Quản lý chặt chẽ, giám sát liên tục theo thời gian thực đối với các nguồn phát sinh nước thải, khí thải lớn, không để phát sinh khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

e) Tăng cường kiểm soát chất thải tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; từng bước hình thành hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phù hợp với điều kiện địa hình, dân cư phân tán và khả năng tiếp cận hạ tầng của từng khu vực.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương.

** Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030 và thường xuyên.

5. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và bảo đảm an ninh nguồn nước

a) Cập nhật, hoàn thiện các kịch bản biến đổi khí hậu dài hạn; điều chỉnh các kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai phù hợp với từng vùng, từng ngành, địa phương, ưu tiên khu vực có nguy cơ rủi ro cao.

b) Bảo đảm an ninh nguồn nước trên toàn tỉnh; ưu tiên bảo vệ các lưu vực sông, hồ chứa, vùng sinh thủy và rừng đầu nguồn; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt tại các khu vực có nguy cơ thiếu nước, suy giảm nguồn nước hoặc chịu tác động của biến đổi khí hậu.

c) Tăng cường điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống giám sát tài nguyên nước; ưu tiên đầu tư công trình cấp nước sinh hoạt, công trình trữ nước và các giải pháp bảo đảm nước cho sản xuất tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ưu tiên các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ biển, cửa sông; sạt lở bờ sông, suối có ảnh hưởng đến an toàn các khu dân cư, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, nhất là các sông: Sê San, Đăk Bla, Đăk Pxi, Pô Cô, Trà Khúc, Trà Bồng, Sông Vệ, Trà Câu, Phước Giang.

đ) Chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng có khả năng chống chịu cao với bão, lũ, ngập úng, hạn hán, sạt lở và nước biển dâng; phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh, giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai. Rà soát, bố trí, di dời dân cư khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở gắn với bảo đảm sinh kế bền vững; kết hợp các giải pháp công trình, phi công trình và công cụ tài chính nhằm giảm thiểu thiệt hại cho người dân, doanh nghiệp.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương.

** Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030 và thường xuyên.

6. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và phục hồi hệ sinh thái

a) Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn và các hệ sinh thái có giá trị cao về đa dạng sinh học; bảo vệ các khu vực có tính đa dạng sinh học cao, các loài nguy cấp, quý, hiếm, nguồn gen đặc hữu; tăng cường kết nối các hành lang sinh thái, phục hồi hệ sinh thái suy thoái và phát triển các mô hình sinh kế bền vững dựa vào rừng, dược liệu và dịch vụ hệ sinh thái.

b) Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái đặc thù tại khu vực Ngọc Linh, Chư Mom Ray, Măng Đen; bảo vệ hệ sinh thái biển, ven biển, đảo Lý Sơn và các khu vực có giá trị cao về đa dạng sinh học; gắn bảo tồn thiên nhiên với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dược liệu và sinh kế bền vững của người dân địa phương.

c) Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu bảo tồn, di sản thiên nhiên; phát triển các bể hấp thụ cacbon tự nhiên; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái quan trọng, nhạy cảm. Phát huy giá trị thiên nhiên, cảnh quan, đa dạng sinh học; phát triển hạ tầng xanh tại đô thị, khu dân cư trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

7. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng

a) Khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

b) Phát triển các mô hình khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp tuần hoàn; thúc đẩy tái chế chất thải, tái sử dụng nước và nguyên liệu.

c) Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo, nhiên liệu sạch, phương tiện giao thông xanh; kiểm soát, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

d) Xây dựng Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp trở thành khu vực trọng điểm thực hiện chuyển đổi xanh, phát triển công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn và công nghiệp phát thải thấp; ưu tiên đổi mới công nghệ, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, tái sử dụng nước, tái chế chất thải, trao đổi nguyên liệu, phụ phẩm giữa các doanh nghiệp, từng bước hình thành các chuỗi cộng sinh công nghiệp.

đ) Phát triển kinh tế sinh học, kinh tế dựa vào hệ sinh thái và các sản phẩm từ đa dạng sinh học theo hướng bền vững; bảo tồn và phát triển các nguồn gen, cây dược liệu đặc hữu, nhất là sâm Ngọc Linh và các dược liệu có giá trị; xây dựng chuỗi giá trị dược liệu gắn với bảo tồn rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, sinh kế cộng đồng và chế biến sâu; kiểm soát chặt chẽ việc khai thác nguồn gen, tài nguyên sinh vật và các hoạt động có nguy cơ làm suy giảm đa dạng sinh học; xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế bền vững dưới tán rừng, kết hợp giữa bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học với phát triển kinh tế cho cộng đồng dân cư sống gần rừng; gắn công tác bảo vệ rừng với chi trả dịch vụ môi trường rừng và tạo lập, trao đổi tín chỉ cacbon theo quy định của pháp luật.

e) Chuyển đổi hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm theo hướng giảm phát thải, tuần hoàn, bền vững; phát triển các mô hình đô thị xanh, công trình xanh, giao thông xanh và khu vực phát thải thấp. Thực hiện các chương trình đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, hỗ trợ sinh kế trong quá trình chuyển đổi xanh.

g) Kiểm soát phát thải khí nhà kính ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án và trong toàn bộ vòng đời sản phẩm; từng bước hoàn thiện hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải khí nhà kính; quản lý chặt chẽ hoạt động trao đổi tín chỉ cacbon theo quy định.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương.

** Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030 và thường xuyên.

8. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh hợp tác quốc tế

a) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý tài nguyên và môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

b) Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám và GIS trong giám sát tài nguyên, môi trường, dự báo, cảnh báo thiên tai và công khai, minh bạch thông tin.

c) Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, giảm phát thải, tái chế, xử lý chất thải; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thu hồi, lưu giữ, tái sử dụng cacbon và công nghệ cacbon thấp trong các ngành, lĩnh vực.

d) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu, nhất là ở cấp xã; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhân lực chất lượng cao.

đ) Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức quốc tế để tiếp nhận công nghệ tiên tiến và huy động nguồn lực phục vụ bảo vệ môi trường. Chủ động tiếp cận nguồn tài chính khí hậu, công nghệ xanh; nâng cao năng lực ứng phó với các tiêu chuẩn, quy định, hàng rào kỹ thuật quốc tế về môi trường, khí hậu; tăng cường phối hợp giải quyết các vấn đề môi trường xuyên biên giới, an ninh môi trường, an ninh khí hậu và an ninh năng lượng.

** Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan thực hiện:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Cơ quan phối hợp:* Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Ban Chỉ đạo của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

9. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

a) Bố trí chi sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định; quản lý, sử dụng bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các dự án trọng điểm về xử lý ô nhiễm, thích ứng với biến đổi khí hậu và phục hồi môi trường.

b) Tập trung đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường, nhận diện và xử lý các điểm nóng có nguy cơ ô nhiễm môi trường, dự báo và cảnh báo chất lượng môi trường, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và các dự án có tính liên vùng, đa mục tiêu.

c) Đẩy mạnh nguồn lực xã hội hóa, chủ động tiếp cận và sử dụng hiệu quả vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại, các quỹ khí hậu và môi trường; nguồn tài chính xanh, đầu tư xanh và các nguồn lực hợp pháp khác. Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội, đầu tư đổi mới công nghệ, giảm phát thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

d) Rà soát, ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thuận lợi, ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, khoa học và công nghệ đối với các hoạt động bảo vệ môi trường, chuyển đổi xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

** Cơ quan chỉ đạo:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Cơ quan thực hiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương.

** Thời gian thực hiện:* Giai đoạn 2026 - 2030 và thường xuyên.

10. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

a) Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tập trung vào các lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm cao như công nghiệp, khai thác khoáng sản, xử lý chất thải, nuôi trồng thủy sản và xây dựng; thực hiện kiểm toán môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; công khai thông tin về tình hình môi trường và kết quả xử lý vi phạm theo quy định. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức trong thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường.

** Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan thực hiện:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt và cụ thể hóa nội dung Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình số 31-CTr/TW và Kế hoạch này để tổ chức thực hiện; thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình số 31-CTr/TW và Kế hoạch này; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; định kỳ tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền; xem xét, quyết định việc phân bổ nguồn lực và tăng cường giám sát việc thực hiện Kế hoạch này.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng công tác tuyên truyền, quán triệt Kết luận số 75-KL/TW, Chương trình số 31-CTr/TW và Kế hoạch này để cán bộ, đảng viên và Nhân dân nâng cao nhận thức, thống nhất trong hành động, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả Kết luận số 75-KL/TW và Kế hoạch này.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng Trung ương và các vụ địa phương (báo cáo);
- Đảng ủy: Các cơ quan Đảng tỉnh; HĐND tỉnh; UBND tỉnh; MTTQ, các đoàn thể tỉnh; Quân sự tỉnh; Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**



U Huân

Phụ lục
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 11/9/2026
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu
1	Tỷ lệ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm	Tối thiểu 2%
2	Tỷ lệ các nguồn nước thải, khí thải lớn được quan trắc tự động, liên tục	100%
3	Tỷ lệ cụm công nghiệp có nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường	100%
4	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị tại các đô thị loại II được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	50%
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	95%
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn được thu gom, xử lý	85%
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp so với lượng chất thải được thu gom	< 30%
8	Tỷ lệ che phủ rừng	60%
9	Tỷ lệ khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực đa dạng sinh học cao có chương trình quản lý, giám sát đa dạng sinh học	100%
10	Tỷ lệ hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn	70%
11	Tỷ lệ hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được di dời đến nơi an toàn	80%
12	Tỷ trọng kinh tế xanh trên GRDP	10%
13	Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyển đổi hoặc xây dựng theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, sản xuất sạch hơn	10%
14	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	26,1%
15	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GRDP/năm	1 - 1,5%
16	Số công trình xây dựng xanh được chứng nhận trên địa bàn tỉnh	Theo mục tiêu quốc gia
17	Giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia so với kịch bản phát triển thông thường	Theo mục tiêu quốc gia